

Bản án số: 02/2024/KDTM-ST
Ngày: 18 - 9-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỶ ANH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Toàn

Ông Lê Văn Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2020/TLST – DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại theo hợp đồng bảo hiểm*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-KDTM ngày 14/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST –KDTM ngày 30 tháng 08 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH M

Địa chỉ trụ sở: Khu xử lý rác thải, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thu H vụ: Giám đốc công ty

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T

Địa chỉ: P, nhà B, khách sạn T1, số A, phường N, quận T, Tp Hà Nội(có mặt)

- Bị đơn: Tổng công ty Cổ phần B

Địa chỉ: Tầng A, T, số A T, quận H, TP Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoài A vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng H1 bà Phạm Thị H2 H2 địa chỉ: Số CBT3, khu bán đảo L, H, H, Hà Nội(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M(sau đây gọi tắt là Công ty M1 lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Năm 2014, Công ty TNHH M được UBND tỉnh H chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Nhà máy xử lý chất thải Công nghiệp và Sinh hoạt tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng Công ty M có ký hợp đồng “Bảo Hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt” với các tài sản thuộc phạm vi dự án với Công ty B1 (sau đây gọi tắt là BIC). Tại hợp đồng hai bên thỏa thuận các nội dung về Phạm vi bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm, số tiền bảo hiểm, thời hạn bảo hiểm, phí bảo hiểm, giải quyết bồi thường, quyền và nghĩa vụ của các bên và một số nội dung khác. Sau khi ký hợp đồng Bảo Hiểm Công ty M nghiêm túc thực hiện các nghĩa vụ của mình như: Cung cấp hồ sơ giá trị hình thành tài sản; Nộp phí bảo hiểm. Đến tháng 9/2017 do cơn bão số 10 đổ bộ vào huyện K, tỉnh Hà Tĩnh gây thiệt hại rất lớn đến tài sản của Nhà máy xử lý chất thải Công nghiệp và Sinh hoạt của P. Sau khi xảy ra sự cố công ty P đã kịp thời thông báo cho Công ty B2 cán bộ xuống dự án lập biên bản hiện trường. Tại biên bản hai bên đã thống nhất những tổn thất do B số 10 gây ra cụ thể:

- + Thiệt hại phần mái che, tôn thưng và xà gồ của các nhà xưởng
- + Đối với lò đốt chất thải nguy hại công suất 1.000 kg/giờ: bị thiệt hại phần điện và điện điều khiển. Cụ thể: Nóc che buồng điều khiển bị gió thổi bay; Có dấu hiệu của hiện tượng nước xâm nhập vào bên trong tủ điện.
- + Đối với Lò đốt rác thải sinh hoạt 5.000 kg/giờ: Các bên ghi nhận bị thiệt hại nặng. Cụ thể: Các tủ điện bị nước mưa thâm nhập; Buồng đốt của lò đốt bị nước mưa thâm nhập gây hư hỏng nặng không thể vận hành.

Theo quy trình bảo hiểm của BIC, hai bên cùng phối hợp làm việc với các đơn vị thẩm định, giám sát, ... để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại. Quá trình làm việc, các bên đã xác định tài sản thuộc đối tượng được bảo hiểm bị thiệt hại gồm nhà xưởng, lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 05 tấn/h, lò đốt rác công nghiệp công suất 01 tấn/h. Mức thiệt hại và phương pháp xử lý như sau:

Đối với các hạng mục xây dựng cơ bản thuộc nhà xưởng: Các bên đã thống nhất khối lượng thiệt hại và phương pháp khắc phục. Ngày 22/9/2017, Công ty M2 hợp đồng số 229/HĐXS - BS thi xây dựng công trình với nhà thầu, đến nay đã sửa xong,

Đối với phần thiết bị: trên cơ sở nội dung biên bản làm việc ngày 24/9/2017 và 13/10/2017 nêu:

+ Lò đốt 01 tấn/h: Phần kết cấu lò và hệ thống điện có dấu hiệu hư hỏng. BIC giao cho Công ty M3 phối hợp đơn vị sửa chữa tiến hành khắc phục, sau đó nộp hồ sơ, chứng từ cho đơn vị bảo hiểm thanh toán;

+ Lò đốt 05 tấn/h: Buồng đốt bị nước mưa xâm nhập gây hư hỏng nặng, không thể vận hành, cần xây dựng lại lò và các thiết bị điện, ... bị hỏng hóc. BIC đề nghị Công ty M4 với các đơn vị chức năng lập dự toán khắc phục sửa chữa, sau đó nộp cho BIC để duyệt bồi thường.

Ngày 22/9/2017, Công ty M2 hợp đồng số 229/HĐXS - BS thi xây dựng công trình với nhà thầu, đến nay đã sửa xong. Đối với thiết bị, nội dung công việc trên

trang web ngày 24/9/2017 và 13/10/2017 nêu: Lò đốt 01 tấn/h: Phần cấu trúc và hệ thống điện có dấu hiệu hư hỏng.

Ngày 15/10/2017, Công ty M2 Hợp đồng kinh doanh số 2912 - 17HĐKT DTCPH lắp đặt tủ điều khiển, biến tần và sấy khô các cơ và quạt gió của lò đốt 01 tấn/h, đến nay đã hoàn thành sửa chữa. Đối với lò đốt 05 tấn/h, P mời Công ty Cổ phần C Đơn vị lắp đặt, chuyên thiết kế lò đốt rác 05 tấn/h ban đầu cho Công ty P2 dự toán sửa chữa .

Ngày 27/3/2018, Công ty B1 hoàn thiện hồ sơ yêu cầu bồi thường theo yêu cầu của đơn vị giám định và trình BIC, Công ty M đề nghị chi phí phục hồi tài sản bị tổn thất (chưa trích khấu hao) là 11.346.621.562 đồng, gồm: Nhà xưởng 4.031.762.000 đồng; Lò đốt 01 tấn/h: 446.000.000 đồng; Lò đốt 05 tấn: 6.868.259.562 đồng.

Tuy nhiên, phía BIC chỉ đồng ý bồi thường số tiền là 3.237.069.000 đồng (Ba tỷ hai trăm ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo Công văn số 145/CV - GĐBT ngày 25/9/2018. Không đồng ý với số tiền trên, P đã nhiều lần liên hệ với BIC để giải quyết. Sau khi xem xét, hai bên thống nhất mức chi phí sửa chữa nhà xưởng là 2.094.664.306 đồng, nhưng không thống nhất được mức đền bù đối với lò đốt 01 tấn/h và 05 tấn/h. Cho đến nay, BIC vẫn chưa thanh toán tiền bảo hiểm và các chi phí liên quan cho P1 H3. Hiện lò đốt công suất 05 tấn/h bị hư hỏng nặng do ngừng hoạt động lâu ngày.

Việc BIC chậm bồi thường dẫn đến lò bị dừng hoạt động, các thiết bị tiếp tục hỏng hóc do lò dừng hoạt động và nguồn thu nhập từ vận hành các lò đốt trên cũng bị mất theo.

Do đó, Công ty M đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh giải quyết như sau:

Buộc BIC sửa chữa, khắc phục lò đốt 05 tấn/h, thu hồi, xử lý gạch thải và tài sản và không thu hồi gạch phế thải để tự xử lý .Trường hợp BIC không sửa chữa yêu cầu BIC thanh toán cho Công ty P3 H3 số tiền 4.265.967.284 đồng (Tiền bồi thường đối với lò 05 tấn/h: 2.988.297.900 đồng chi phí xử lý gạch thải: 1.277.669.384 đồng).

Buộc BIC bồi thường thiệt hại cho lò đốt 01 tấn/h: 386.533.333 đồng.

Buộc BIC bồi thường đối với nhà xưởng số tiền: 1.913.457.915 đồng

Yêu cầu BIC thanh toán cho Công ty M5 lãi chậm trả của số tiền chậm thanh toán từ ngày 28/4/2018 cho đến nay theo quy định của pháp luật.

Buộc BIC bồi thường tổn thất do dừng lò dẫn đến hỏng hóc thiết bị số tiền là 3.311.603.000 đồng (ba tỷ, ba trăm mười một triệu, sáu trăm lẻ ba nghìn đồng).

Buộc BIC bồi thường thiệt hại đối với thu nhập thực tế bị mất do lò đốt không được khắc phục sửa chữa kịp thời dẫn đến hoạt động sản xuất bị ngưng trệ kéo dài, số tiền là: 12.568.686.000 đồng.

Như vậy, trường hợp BIC không tự sửa chữa lò đốt 05 tấn/h và không thu hồi gạch phế thải thì số tiền bảo hiểm phải trả cho công ty M là: Số tiền bảo hiểm chưa thanh toán: 5.065.958.532 đồng (Khoản (1 + 2+ 3) đã trừ 1.500.000.000 BIC tạm ứng cho Công ty M; tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 28/4/2018; số tiền tổn thất do dừng lò dẫn đến hỏng hóc thiết bị là 3.311.603.000 đồng; thu nhập thực tế bị mất do lò đốt không được khắc phục sửa chữa kịp thời, số tiền là 12.568.686.000 đồng.

Ngày 20/7/2024 Công ty TNHH M6 đơn sửa đổi, bổ sung nội dung đơn khởi kiện cụ thể: Yêu cầu BIC phải bồi thường là 3.237.069.000đ. Nhưng đối trừ 1.500.000.000đ, còn lại số tiền 1.737.069.000đ. cộng với số tiền lãi của số tiền 1.737.069.000đ, 10%/năm tạm tính từ ngày 18/10/2004 cho đến ngày 17/7/2024 là 999.409.562đ.

Quá trình giải quyết vụ án, BIC và Công ty B1 thống nhất giá trị thiệt hại xem xét bồi thường là 3.237.069.000 đồng

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hoà giải và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty Myêu cầu: Buộc Tổng Công ty Cổ phần B bồi thường số tiền bảo hiểm còn lại chưa thanh toán là: **1.737.069.000 đồng** (*Một tỷ bảy trăm ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng*); Buộc Tổng Công ty Cổ phần B thanh toán số tiền lãi chậm bồi thường từ ngày 18/10/2018 cho đến khi BIC thanh toán xong số tiền bảo hiểm chưa thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn Tổng công ty Cổ phần B (gọi tắt là BIC) , trình bày:

Ngày 20/9/2016, Công ty B1(là đơn vị hạch toán phụ thuộc của BIC – sau đây gọi tắt là “BIC Bắc Trung B1và Công ty B1 ký kết Hợp đồng bảo hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt số 04167297, cụ thể như sau:

- Đối tượng bảo hiểm: BIC Bắc Trung B1nhận bảo hiểm cho các tài sản của Công ty P4 Nhà máy xử lý rác thải tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh(theo bảng kê khai giá trị tài sản tham gia bảo hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt đánh kèm).

- Bên thụ hưởng bảo hiểm: Ngân hàng TMCP Đ

that.

- Thời hạn bảo hiểm từ 07 giờ ngày 20/9/2016 đến 07 giờ ngày 20/9/2017

- Số tiền bảo hiểm: 286.805,512.000 đồng

- Phí bảo hiểm là 394.357.000 đồng (đã bao gồm VAT);

- Mức khấu trừ: 10% giá trị tổn thất, tối thiểu 10.000.000 đồng mỗi và mọi vụ tổn

Do ảnh hưởng của cơn bão số 10 (Tên quốc tế - Đdo bộ vào địa bàn tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 15/9/2017 nên đã gây ra tổn thất đối với một số hạng mục tài sản của Nhà máy xử lý rác thải của Công ty M

Sau khi xảy ra tổn thất, Công ty B1 thông báo cho B3 B1 đã yêu cầu Công ty TNHH G(RACO). Ngày 16/9/2017, Công ty G1 mặt tại hiện trường giám định các , đây gọi tắt là “Công ty Giám định RACO”) tiến hành giám định vụ tổn thất bị thiệt hại. Sau đó, Công ty G2 hành Báo cáo sơ bộ ngày 21/9/2017, Báo cáo tiếp theo – số 01 ngày 18/4/2018 và Báo cáo tiếp theo – số 02 ngày 18/9/2018. Tại Báo cáo tiếp theo – số 02, Công ty G1 kết luận: nguyên nhân tổn thất của Nhà máy do bão số 10 được xác định là bất ngờ và thuộc rủi ro được bảo hiểm: Giông bão, lũ lụt (H) của Hợp đồng bảo hiểm. Đồng thời, Công ty G3 tính toán giá trị dự phòng bồi thường là 3.116.995.883 đồng sau khi trừ đi Mức khấu trừ và thanh lý thu hồi.

Ngày 05/6/2018, theo đề nghị của Công ty M7 tạm ứng bồi thường số tiền 1.500.000.000 đồng để Công ty P5 thời khắc phục tổn thất.

Ngày 25/9/2018, B5 có Công văn số 145/CV-GĐBT gửi Công ty M8 xuất chi phí khắc phục tổn thất Nhà máy (làm tròn) là 3.237.069.000 đồng.

Ngày 12/10/2018, B5 tiếp tục có Công văn số 149/CV-GĐBT về việc thu hồi tài sản hư hỏng sau sửa chữa đối với thiệt hại hệ thống nhà xưởng bao gồm tôn, sắt phế liệu và đề nghị Công ty M9 hồi trước ngày 30/10/2018.

Ngày 12/3/2019, để đẩy nhanh tốc độ giải quyết khiếu nại cho Công ty M10 Công văn số 033/CV-GĐBT gửi Công ty M8 xuất chi phí khắc phục tổn thất (làm tròn) là 3.237.069.000 đồng, yêu cầu Công ty M6 ý kiến với số tiền trên và cung cấp các hồ sơ, chứng từ khắc phục còn thiếu để BIC Bắc Trung Bộ xem xét chi trả bồi thường.

Quá trình giải quyết vụ án, BIC và Công ty B1 thống nhất giá trị thiệt hại xem xét bồi thường là 3.237.069.000 đồng. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tại phiên tòa: BIC đồng ý xem xét việc bồi thường cho Công ty TNHH M11 số tiền bảo hiểm là 3.237.069.000 đồng. Nhưng đề nghị Công ty TNHH M12 cấp tài liệu chứng minh về việc khắc phục lò đốt rác sinh hoạt 5 tấn/01 giờ (gồm: hợp đồng nghiệm thu). Còn số tiền 1.500.000.000đ mà Tổng Công ty Cổ phần B chuyển cho Công ty TNHH M là tiền tạm ứng chi phí bảo hiểm theo yêu cầu của Công ty M Số tiền này sẽ được đối trừ vào số tiền bồi thường cuối cùng khi có bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Đối với tiền lãi 1.028.915.939đ (*Một tỷ, không hai mươi tám triệu chín trăm mười lăm ngàn chín trăm ba mươi chín đồng*) mà Công ty TNHH M13 cầu thì Tổng Công ty Cổ phần B – BIC không chấp nhận vì do Công ty TNHH M14 cung cấp đầy đủ các tài liệu như đã nêu ở trên. Đề nghị Công ty TNHH M12 cấp bổ sung hoặc giải trình làm rõ khối lượng sắt phế liệu thu hồi sau sửa chữa khắc phục nhà xưởng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật Dân sự và Điều 12, 15 Luật Kinh doanh bảo hiểm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M cụ thể như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Tổng công ty Cổ phần B bồi thường cho Công ty TNHH M số tiền **1.737.069.000 đồng** (*Một tỷ bảy trăm ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng*)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M về việc yêu cầu Tổng công ty Cổ phần B trả tiền lãi từ ngày 18/10/2018 cho đến ngày 18/9/2024 là 1.028.915.939đ

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty M khởi kiện yêu cầu BIC bồi thường thiệt hại do Bsố 10 gây ra Hợp đồng bảo hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt số 04167297, là tranh chấp giữa 02 tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Hợp đồng bảo hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt số 04167297 được giao kết tại Hà Tĩnh, theo Điều 13 của Hợp đồng, Công ty M và BIC đã thoả thuận mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng sẽ được đưa ra giải quyết tại Toà kinh tế Toà án tỉnh Hà Tĩnh, như vậy căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 40, Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án đến thời điểm trước khi Toà án cấp sơ thẩm ra bản án, không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Năm 2014, Công ty TNHH M được UBND tỉnh H chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Nhà máy xử lý chất thải Công nghiệp và Sinh hoạt tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng Công ty M ký hợp đồng “Bảo Hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt” với các tài sản thuộc phạm vi dự án với Công ty B1 (sau đây gọi tắt là BIC). Đến tháng 9/2017 do cơn bão số 10 đổ bộ vào huyện K, tỉnh Hà Tĩnh gây thiệt hại rất lớn đến tài sản của Nhà máy xử lý chất thải Công nghiệp và Sinh hoạt của P. Sau khi xảy ra sự cố công ty P đã kịp thời thông báo cho Công ty B4 cử cán

bộ xuống dự án lập biên bản hiện trường. 27/3/2018, Công ty B1 hoàn thiện hồ sơ yêu cầu bồi thường theo yêu cầu của đơn vị giám định và trình BIC. Như vậy Công ty B1 thực hiện đúng thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 28 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2010. Sau sự kiện bảo hiểm, cả nguyên đơn và bị đơn đã không thể thống nhất được chi phí khắc phục tổn thất, do đó Công ty B1 khởi kiện đến Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án BIC và Công ty B1 thống nhất giá trị thiệt hại xem xét bồi thường là 3.237.069.000 đồng, trong đó ngày 05/6/2018, theo đề nghị của Công ty M7 tạm ứng bồi thường số tiền 1.500.000.000 đồng để Công ty P5 thời khắc phục tổn thất. Tại phiên Tòa BIC chỉ đồng ý bồi thường cho Công ty M12 cấp tài liệu chứng minh về việc khắc phục lò đốt rác sinh hoạt 5 tấn/01 giờ (gồm: hợp đồng nghiệm thu). HĐXX nhận thấy, thời điểm sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, Công ty B1 cử cán bộ xuống dự án lập biên bản hiện trường. Tại biên bản hai bên đã thống nhất những tổn thất do Bsố 10 gây ra, đại diện của BIC đã xác định: Lò đốt 05 tấn/h: Buồng đốt bị nước mưa xâm nhập gây hư hỏng nặng, không thể vận hành, cần xây dựng lại lò và các thiết bị điện, bị hỏng. Như vậy, có cơ sở để xác định chi phí bồi thường theo đề nghị của Công ty M15 có căn cứ.

Về yêu cầu tiền lãi chậm thực hiện: Sau khi sự kiện xảy ra, theo yêu cầu của B5 ngày 16/9/2017, Công ty TNHH G(G1 Công ty G1 có mặt tại hiện trường giám định vụ tổn thất bị thiệt hại. Công ty Giám định RACO đã tính toán giá trị dự phòng bồi thường là 3.116.995.883 đồng sau khi trừ đi Mức khấu trừ và thanh lý thu hồi. Ngày 12/3/2019, B5 có Công văn số 033/CV-GĐBT gửi Công ty M8 xuất chi phí khắc phục tổn thất (làm tròn) là 3.237.069.000 đồng, yêu cầu Công ty M6 ý kiến với số tiền trên và cung cấp các hồ sơ, chứng từ khắc phục còn thiếu để BIC Bắc Trung Bộ xem xét chi trả bồi thường, tuy nhiên, Công ty B1 không thống nhất về mức bồi thường. Việc chậm thực hiện trả tiền bảo hiểm là do các bên chưa thể thống nhất giá trị khắc phục hậu quả chứ không phải do lỗi của bị đơn. Do đó HĐXX không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh tham gia phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền: **1.737.069.000 đồng** (Một tỷ bảy trăm ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng), do đó bị đơn phải chịu án phí 64.112.070 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh số tiền 1.028.915.939đ không được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc nguyên đơn phải chịu 45.867.000đ đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điểm e khoản 1 Điều 17, khoản 1, 2 Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.3 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Tổng công ty Cổ phần B bồi thường cho Công ty TNHH M số tiền 1.737.069.000 đồng (Một tỷ bảy trăm ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng)

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M về việc yêu cầu Tổng công ty Cổ phần B trả tiền lãi từ ngày 18/10/2018 đến ngày 17/9/2024. số tiền là 1.028.915.939đ

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc Tổng công ty Cổ phần B phải chịu sau khi đã làm tròn là 64.112.000đ (sáu mươi bốn triệu một trăm mười hai ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH M phải chịu 45.867.000đ nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 59.479.000đ (bằng chữ: *năm mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005643 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Công ty TNHH M được trả lại số tiền 13.612.000đ.

3. Về quyền kháng cáo: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kỳ Anh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS huyện Kỳ Anh;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Quang Dũng

